

**BÀI TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN TỔNG
HỢP MÔN TOÁN VÀ TIẾNG VIỆT -
LỚP 2**

MÔN: TOÁN

Phần I: Trắc nghiệm

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Tìm một số biết rằng lấy 35 cộng với số đó thì có kết quả bằng 35 trừ đi số đó.

- A. 0 B. 35 C. 70 D. 1

Câu 2. 7 giờ tối còn gọi là:

- A. 17 giờ B. 21 giờ C. 19.

giờ D. 15 giờ Câu 3. Số bé nhất có 3 chữ số khác nhau là:

- A. 100 B. 101 C. 102 D. 111

Câu 4. 5m 5dm = Số điền vào chỗ chấm là:

- A. 55m B. 505 m C. 55dm D. 10 dm

Câu 5. Cho dãy số: 7; 11; 15; 19;số tiếp theo điền vào chỗ chấm là:

- A. 22 B. 23 C. 33 D. 34

Câu 6. Nếu thứ 6 tuần này là 26. Thì thứ 5 tuần trước là:

- A. 17 B. 18 C. 19 D. 20

Câu 7. Số lớn nhất có ba chữ số là:

- A. 998 B. 999 C. 978 D. 987

Câu 8. Hình vuông ABCD có cạnh AB = 5cm. Chu vi hình vuông là:

- A. 15 cm B. 20 cm C. 25 cm
D. 30 cm

Câu 9. $81 - x = 28$. x có giá trị bằng bao nhiêu?

A. 53

B. 89

C. 98

D. 43

Câu 10. $17 + 15 - 10 = \dots$ Số điền vào chỗ chấm là:

A. 32

B. 22

C. 30

D. 12

Phần II. Tự luận (làm vào vở)

Câu 1. Điền dấu $>$, $<$, $=$

$$375 \square 575 \quad \left| \quad 948 \square 894 \right| \quad 46 \square 400 + 6 \quad \left| \quad 231 + 305 \square 423 + 104 \right|$$

Câu 2. Xếp các số: 376, 960, 736, 690 theo thứ tự từ bé đến lớn

Câu 3. Viết các số: 372, 380, 394, 369 theo thứ tự lớn đến bé là:.....

Câu 4. Đặt tính rồi tính:

$$234 + 565$$

$$576 + 420$$

$$81 - 27$$

$$67 + 9$$

$$958 - 527$$

$$899 - 384$$

$$42 - 19$$

$$32 + 68$$

Câu 5. Tính nhẩm:

$$500 + 200 = \dots \quad 500 + 500 = \dots$$

$$900 - 400 = \dots \quad 600 - 200 = \dots$$

$$300 + 400 = \dots \quad 200 + 700 = \dots$$

$$800 - 200 = \dots \quad 700 - 300 = \dots$$

Câu 6:

a) Đúng ghi (Đ) Sai ghi S vào ô trống:

a. $603 = 600 + 3$ ☐

b. $603 = 600 + 30$ ☐

c. $780 = 700 + 8$ ☐

d. $780 = 700 + 80$ ☐

b) Viết số thích hợp vào ô trống để: $983 = \square + 80 + 3$

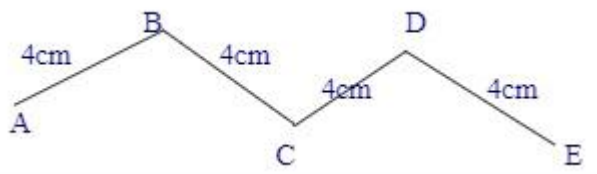
Câu 7. Tính

a) $3 \times 6 + 53$

b) $35 : 5 + 23$

c) $354 + 135 - 263$

Câu 8. Tính độ dài đường gấp khúc ABCDE



Tóm tắt và giải các bài toán

Câu 9. Bể nước thứ nhất chứa 865 l nước. Bể nước thứ hai chứa ít hơn bể thứ nhất 300 l. Hỏi bể thứ hai chứa bao nhiêu lít nước?

Câu 10. Một thùng dầu lớn khi đổ sang hai thùng dầu nhỏ gồm một thùng 145 lít và một thùng 250 lít thì thùng dầu lớn không còn gì. Hỏi thùng dầu lớn ban đầu chứa bao nhiêu lít dầu?

Câu 11. Mỗi bạn mua 5 quyển vở. Hỏi 4 bạn thì mua bao nhiêu quyển vở?

Câu 12. Một lớp học có 32 học sinh được chia đều làm 4 hàng. Hỏi mỗi hàng có bao nhiêu học sinh?

Câu 13. Đàn vịt có 64 con. Có 19 con bơi xuống ao. Hỏi trên bờ còn bao nhiêu con vịt?

Câu 14. Hiền cho bạn 25 bông hoa thì Hiền còn 17 bông. Hỏi ban đầu Hiền có bao nhiêu bông hoa?

MÔN: TIẾNG VIỆT

Phần I: Trắc nghiệm

Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng

Câu 1. Trong các từ: *xung phong; xếp hàng; xáng xúa; xôn xao*. Từ viết sai chính tả là:

- A. xáng xúa B. Xếp hàng C. xung phong D. Xôn

xao

Câu 2. Từ nào sau đây chỉ thời tiết của mùa xuân?

- A. nóng nực B. Ấm áp C. mát mẻ D. Lạnh

giá

Câu 3. Trong câu: “ Ve nhớn nhơ ca hát suốt cả mùa hè.” Bộ phận gạch chân trả lời cho câu hỏi nào?

- A. Khi nào B. Vì sao C. Để làm gì D. Làm gì

Câu 4. Từ trái nghĩa với từ ***nhanh nhẹn*** là từ:

- A chăm chỉ B. chậm chạp C. sạch sẽ D. lười biếng

Câu 5. Từ chỉ sự vật trong câu: “ Mùa xuân xinh đẹp đã về.” là:

- A. Mùa xuân B. xinh đẹp C. đã D. về

Câu 6. Bộ phận trả lời cho câu hỏi **Ở đâu?** trong câu: “ Các bác nông dân đang gặt lúa trên cánh đồng.” Là:

- A. Các bác nông dân C. đang gặt lúa
B. trên cánh đồng D. đang gặt lúa trên cánh đồng

Câu 7. Cho câu: “ Mẹ em làm nghề gì □.Dấu câu cần điền vào chỗ trống là:

- A.Dấu chấm B. Dấu phẩy C. Dấu chấm hỏi D. Dấu chấm cảm

Câu 8. Thỏ

Từ chỉ đặc điểm của con vật điền thích hợp vào chỗ trống là:

- A. Hiền lành B. Nhút nhát C. Tinh ranh D. Nhanh nhẹn

Câu 9. Từ nào không thuộc nhóm từ nói lên tình cảm của Bác Hồ đối với thiếu nhi:

- A. Thương yêu B. Chăm lo C. kính yêu D. quan tâm

Câu 10. Em hiểu câu tục ngữ : “ Lá lành đùm lá rách .” là thế nào?

- A. Giúp đỡ nhau B. Đoàn kết
C. Đùm bọc D. Đùm bọc ,cưu mang, giúp đỡ nhau lúc khó khăn hoạn nạn

II. Phần tự luận: (làm vào vở)

Bài 1: Cho các từ: xan sát, kông cộng, ngĩ ngợi, thủy chiều, chung thành. Những từ nào viết sai chính tả? Em hãy sửa lại cho đúng

Bài 2: Hãy chọn từ có 2 tiếng bắt đầu bằng tiếng **học** để điền vào chỗ chấm trong các câu dưới đây.

- Em được....đến nơi đến chốn.
- Em luôn luôn chú ý.....bạn bè.
- Em là lớp 2 .
-là nhiệm vụ của người học sinh.

Tập làm văn

1. Kể 5-6 câu về người thân (ông, bà, bố, mẹ,)
2. “Gia đình là tổ ấm” Em hãy kể 5-6 câu về gia đình của em.
3. Em đã được nhìn thấy Bác qua tranh,ảnh, sách, báo, ti vi... Em hãy viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 5-6 câu về Bác.
4. Em hãy viết một đoạn văn ngắn(5 - 6 câu) kể một việc tốt của em (hoặc của bạn em).
5. Em hãy viết 5-6 câu tả một con vật mà em yêu thích.

6. Em hãy viết 5-6 câu tả một cây hoa mà em yêu thích.

7. **Viết lời đáp của em trong các trường hợp sau:**

a. Em xin đi xem đá bóng cùng anh. Anh bảo “ Em ở nhà học bài đi”.

b. Em rất buồn vì bị điểm kiểm tra không tốt. Cô giáo an ủi: “ Đừng buồn, nếu cố gắng hơn, em sẽ được điểm tốt.”

c. Em mặc đẹp được các bạn khen.

d. Em quét,dọn nhà cửa sạch sẽ, được cha mẹ khen.

e. - Bố ơi, bố có mua được sách cho con không?

- Bố chưa mua được đâu.

-.....

g - Hà ơi, cho tớ mượn cục tẩy nhé?

- Ừ.

-

h. Một bạn nghịch, làm mực bắn vào áo em, xin lỗi em: “ Xin lỗi bạn. Mình lỡ tay thôi.”

Tham khảo: <https://vndoc.com/tieng-viet-lop-2>

<https://vndoc.com/toan-lop-2>